

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ VĂN HÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 162/8/QĐ-UBND

Văn Hán, ngày 31 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Văn Hán năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN HÁN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Quyết định số 4369/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Đông Hỷ về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Đông Hỷ năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 298/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 kỳ họp thứ Chín của Hội đồng nhân dân xã Văn Hán khóa XXI, nhiệm kỳ 2021 - 2026, về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Văn Hán năm 2025 như sau: (Có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Các ông (bà) cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, Trưởng xóm các xóm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, thực hiện kịp thời, hiệu quả, đảm bảo hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 được giao.

**Điều 3.** Văn phòng UBND xã, các tổ chức, cá nhân liên quan, Trưởng xóm các xóm có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện (b.cáo);
- Đảng ủy (b.cáo);
- TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ, các đoàn thể xã;
- Cán bộ, CC, VC, không CT UBND xã
- Các xóm;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Hiền**

**BIỂU CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1268, ngày 31/12/2024 của UBND xã Văn Hân)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	2	3	4
<b>I/</b>	<b>Chỉ tiêu kinh tế</b>		
<b>1.</b>	<b>Thu nhập bình quân/người/năm</b>	<b>Triệu đ</b>	<b>50</b>
<b>2.</b>	<b>Giá trị trên 1ha</b>		
	Đất nông nghiệp trồng trọt	Triệu đ	250
	Đất Lâm Nghiệp	Triệu đ	20-25
<b>3.</b>	<b>Sản lượng lương thực có hạt</b>	<b>Tấn</b>	<b>7,870</b>
<b>4.</b>	<b>Sản lượng chè búp tươi</b>	<b>Tấn</b>	<b>12,000</b>
<b>5.</b>	<b>Diện tích một số cây trồng chủ yếu</b>		
	Diện tích lúa:	Ha	1,280
	Diện tích trồng ngô:	Ha	180
	Tổng diện tích chè:		
	+ Kinh doanh	Ha	1000
	+ Trồng mới, cải tạo	Ha	15
	Diện tích cây ăn quả		
	+ Trồng mới	Ha	3
	+ Kinh doanh	Ha	200
<b>6.</b>	<b>Chăn nuôi:</b>	<b>Con</b>	
	- Đàn trâu	Con	250
	- Đàn bò	Con	50
	- Đàn lợn	Con	1,000
	- Đàn gia cầm	Con	70,000
<b>7.</b>	<b>Lâm nghiệp</b>		
	Trồng rừng sản xuất	Ha	350
	Rừng gỗ lớn	Ha	130

	Rừng được cấp chứng chỉ FSC	Ha	Duy trì
<b>8.</b>	<b>Thu ngân sách</b>	<b>Triệu đ</b>	730
<b>9</b>	<b>Giao thông, xây dựng</b>		
	Xây dựng đường bê tông	km	2.5
<b>10.</b>	<b>Đất đai</b>		
	Thiết lập hồ sơ đất đai	Hồ sơ	350
<b>11</b>	<b>Môi trường</b>		
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	55
	Thu gom rác thải sản xuất	%	100
	Rác thải sinh hoạt	% số hộ	65
	Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh	%/tổng số hộ	100
<b>II.</b>	<b>Chỉ tiêu xã hội</b>		
<b>1.</b>	<b>Giáo dục</b>		
	Giữ vững phổ cập giáo dục cấp học (Mầm non, Tiểu học, THCS)	Bậc	3
<b>2.</b>	<b>Y tế</b>		
	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 5 tuổi trở xuống	%	8.6
<b>3.</b>	<b>Văn hóa</b>		
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa	%	92
	Thôn văn hoá	Xóm	13
	Cơ quan đạt tiêu chuẩn cơ quan văn hóa	Cơ quan	7
<b>4.</b>	<b>Xã hội</b>		
	Đào tạo nghề	Người	100
	Xuất khẩu lao động	Người	50
	Giảm hộ nghèo	Hộ	40
	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	50
	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%/tổng số người	98
<b>III</b>	<b>Xây dựng nông thôn mới</b>		
	Củng cố, hoàn thiện các tiêu chí trong Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao theo tiêu chí mới		Tiếp tục thực hiện